

PHÂN HOÁ TRÁCH NHIỆM HÌNH SỰ - MỘT SỐ VẤN ĐỀ LÝ LUẬN CƠ BẢN

PGS.TSKH. LÊ CẨM*

ThS. CAO THỊ OANH**

1. Khái niệm và các đặc điểm cơ bản của việc phân hoá trách nhiệm hình sự

1.1. Khái niệm phân hoá trách nhiệm hình sự
 (b) Phân hoá trách nhiệm hình sự (TNHS) là một trong những khái niệm thu hút được sự quan tâm nghiên cứu của nhiều nhà khoa học trong và ngoài nước. Xung quanh vấn đề nội hàm của khái niệm này các tác giả đã nêu ra nhiều quan điểm khác nhau mà điển hình là hai nhóm quan điểm sau:

+ Nhóm 1: Các tác giả không có sự phân biệt giữa nguyên tắc phân hoá TNHS và nguyên tắc cá thể hoá TNHS mà cho rằng chúng là nguyên tắc tồn tại xuyên suốt từ hoạt động xây dựng pháp luật (mà kết quả là các quy phạm pháp luật hình sự) đến hoạt động áp dụng pháp luật hình sự (kết quả là bản án, quyết định của toà án). Theo quan điểm này có thể sử dụng các tên gọi khác nhau như nguyên tắc cá thể hoá hình phạt, nguyên tắc phân hoá và cá thể hoá TNHS nhưng chúng đều được hiểu là những khái niệm thể hiện thái độ xử lý có phân biệt của Nhà nước đối với các trường hợp phạm tội khác nhau, chúng được thể hiện trong các quy phạm pháp luật hình sự, trong các văn bản giải thích, hướng dẫn áp dụng pháp luật hình sự cũng như trong hoạt động áp dụng pháp luật hình sự. Giữa quan điểm thuộc nhóm này chỉ tồn tại sự khác biệt ở phần nội hàm của khái niệm có liên quan đến phần thể hiện

trong hoạt động áp dụng pháp luật hình sự (chỉ bao gồm hoạt động quyết định hình phạt hay bao gồm cả điều tra, truy tố và chấp hành hình phạt) nhưng đều khẳng định nguyên tắc này vừa được thể hiện trong luật vừa được thể hiện trong hoạt động áp dụng luật.⁽¹⁾

+ Nhóm 2: Các tác giả có sự phân biệt rõ ràng khái niệm phân hoá TNHS với khái niệm cá thể hoá TNHS và xác định phân hoá TNHS là nguyên tắc được thể hiện trong luật còn cá thể hoá TNHS là nguyên tắc được thể hiện trong hoạt động áp dụng luật. PGS. TS. Nguyễn Ngọc Hoà đã thể hiện rõ quan điểm này khi khẳng định: “*Vấn đề phân hoá và cá thể hoá TNHS được đặt ra và được coi là một nguyên tắc của luật hình sự Việt Nam. Nguyên tắc này không chỉ có ý nghĩa khi áp dụng luật hình sự mà đòi hỏi trước hết phải có sự phân hoá TNHS ngay trong luật và đó là cơ sở để có thể cá thể hoá TNHS trong thực tiễn áp dụng luật*”.⁽²⁾ Theo Từ điển giải thích thuật ngữ luật học thì phân hoá TNHS và cá thể hoá hình phạt được xác định là những nguyên tắc độc lập với quan điểm “*Để cá thể hoá hình phạt trong khi áp dụng luật đòi hỏi phải có sự phân hoá TNHS trong luật và giải thích luật. Trách nhiệm hình sự càng được phân hoá trong luật và trong giải thích luật thì càng có cơ sở cho*

* Khoa luật Đại học quốc gia Hà Nội

** Giảng viên Khoa luật hình sự, Trường ĐH Luật Hà Nội

việc cá thể hoá hình phạt trong áp dụng".⁽³⁾

Những nghiên cứu trên cho thấy hiện nay các nhà khoa học pháp lý hình sự chưa có quan điểm thống nhất trong việc xác định khái niệm phân hoá TNHS. Sự không thống nhất này có thể là một trong những nguyên nhân hạn chế việc nghiên cứu sâu ở mức độ cần thiết nguyên tắc quan trọng này về mặt lý luận nhằm tạo cơ sở để chúng phát huy hết giá trị trong thực tiễn lập pháp và áp dụng pháp luật.

Từ việc phân tích các quan điểm trên chúng tôi cho rằng việc tách riêng hai khái niệm phân hoá TNHS và cá thể hoá TNHS (cá thể hoá hình phạt) với các nội hàm khác nhau sẽ làm cho cách hiểu về mỗi khái niệm phù hợp chính xác với tên của mỗi khái niệm đó. Khái niệm phân hoá TNHS được thể hiện trong luật với nội dung quy định đường lối xử lý có phân biệt đối với từng loại trường hợp phạm tội nhất định còn khái niệm cá thể hoá TNHS được thể hiện trong hoạt động áp dụng luật với nội dung vận dụng đường lối xử lý theo nguyên tắc phân hoá TNHS để giải quyết vấn đề TNHS cho từng trường hợp phạm tội riêng biệt. Chỉ trong thực tiễn áp dụng pháp luật, gắn với từng trường hợp phạm tội cụ thể, gắn với từng người thực hiện hành vi phạm tội cụ thể mới có thể sử dụng khái niệm cá thể hoá TNHS. Ngược lại, khi xây dựng các quy phạm pháp luật hình sự, nhà làm luật chỉ có thể dự liệu và phân định ra các loại trường hợp phạm tội có thể xảy ra trong thực tiễn khác nhau về tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội hoặc do những nhóm đối tượng khác nhau thực hiện. Trong trường hợp này sử dụng khái niệm phân hoá TNHS lại là phù hợp.

Như vậy, nguyên tắc phân hoá TNHS và nguyên tắc cá thể hoá TNHS là những

nguyên tắc riêng biệt trong đó phân hoá TNHS là nguyên tắc xuyên suốt trong pháp luật hình sự thể hiện việc quy định đường lối xử lý có phân biệt đối với các loại trường hợp phạm tội khác nhau về tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của tội phạm và các đặc điểm về nhân thân người thực hiện tội phạm còn cá thể hoá TNHS là nguyên tắc thể hiện trong hoạt động áp dụng luật hình sự, là việc cơ quan áp dụng pháp luật vận dụng các quy phạm pháp luật hình sự (đã được xây dựng theo nguyên tắc phân hoá TNHS) để xác định TNHS (với loại và mức cụ thể) cho từng người phạm tội trong từng trường hợp phạm tội riêng biệt với yêu cầu: *"Làm cho hình phạt được tuyên phù hợp với tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, phù hợp với nhân thân người phạm tội cũng như hoàn cảnh phạm tội của họ"*.⁽⁴⁾ Như vậy, có thể thấy hai nguyên tắc này có mối liên hệ chặt chẽ với nhau trong đó nguyên tắc phân hoá TNHS tạo ra cơ sở, nền tảng để có thể tiến hành cá thể hoá TNHS và ngược lại, nguyên tắc cá thể hoá TNHS chính là sự triển khai vận dụng trong thực tiễn xét xử tư tưởng phân hoá TNHS, là cầu nối trực tiếp để nguyên tắc phân hoá TNHS thể hiện giá trị.

1.2. Các đặc điểm của phân hoá trách nhiệm hình sự

Từ những phân tích nêu trên có thể xác định các đặc điểm của nguyên tắc phân hoá TNHS như sau:

1.2.1. Phân hoá TNHS là nguyên tắc của hoạt động xây dựng pháp luật (hình sự)

Phân hoá TNHS với nội dung tạo ra các quy phạm pháp luật hình sự thể hiện đường lối xử lý có phân biệt của Nhà nước đối với

những loại trường hợp phạm tội có sự khác biệt nhất định đòi hỏi phải được nhà làm luật sử dụng như là một nguyên tắc cơ bản khi thực hiện hoạt động xây dựng pháp luật. Tinh thần của nguyên tắc này cần phải được thể hiện xuyên suốt trong pháp luật hình sự, cả trong các quy định thuộc phần chung và các quy định thuộc phần các tội phạm một cách thống nhất nhằm tạo ra đường lối xử lý có phân hoá rõ nét mà cơ quan áp dụng pháp luật có thể vận dụng dễ dàng để giải quyết vấn đề TNHS đối với từng trường hợp phạm tội cụ thể trong thực tiễn.

1.2.2. Phân hoá TNHS có nội dung là việc quy định đường lối xử lý có phân biệt đối với các loại trường hợp phạm tội khác nhau

Trong đời sống thực tiễn, các hành vi phạm tội được thực hiện rất phong phú, đa dạng và có thể đòi hỏi phải có những cách thức xử lý khác nhau nhằm đạt được mục đích bảo vệ các quan hệ xã hội, giáo dục người phạm tội. Thực trạng đó đòi hỏi nhà làm luật phải dự liệu được một cách cơ bản về sự khác biệt giữa các trường hợp phạm tội có thể xảy ra trong thực tiễn và quy định cho chúng một "liều lượng" TNHS cần thiết, hợp lý. Mức độ phân hoá trong đường lối xử lý mà nhà làm luật quy định đòi hỏi phải tương ứng với sự đa dạng, phức tạp của các hành vi phạm tội được thực hiện trong thực tiễn sao cho các quy phạm pháp luật có thể là cơ sở pháp lý để xác định đúng TNHS phù hợp cho mỗi trường hợp phạm tội riêng biệt.

1.2.3. Phân hoá TNHS được thực hiện dựa trên sự khác biệt về tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của tội phạm và các đặc điểm nhân thân người phạm tội

Đây chính là những dấu hiệu thể hiện sự

khác biệt cơ bản giữa các trường hợp phạm tội khác nhau, chúng thể hiện các quan hệ xã hội cần được bảo vệ bị đặt vào các tình trạng nguy hiểm khác nhau đồng thời cũng thể hiện loại và mức độ TNHS mà Nhà nước cần phải áp dụng đối với người phạm tội trong trường hợp đó.

2. Các căn cứ của việc phân hoá trách nhiệm hình sự

Căn cứ để tiến hành phân hoá TNHS được hiểu là những tiêu chí giúp nhà làm luật xác định được những nhóm trường hợp phạm tội khác nhau mà xuất phát từ đòi hỏi của các nguyên tắc cơ bản của luật hình sự như nguyên tắc nhân đạo, nguyên tắc công bằng, nhà làm luật cần quy định đối với từng nhóm "liều lượng" TNHS phù hợp. Khi bàn đến vấn đề TNHS, nhà làm luật bao giờ cũng phải tính đến tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của tội phạm và những đặc điểm nhân thân người phạm tội. Nói cách khác, đây chính là các căn cứ của việc phân hoá TNHS.

Trước hết, tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của tội phạm được xác định là căn cứ quan trọng hàng đầu mà nhà làm luật phải cân nhắc trong mọi trường hợp phân hoá TNHS. Với vai trò là chuẩn đánh giá so sánh tính nguy hiểm cho xã hội giữa các trường hợp phạm tội khác nhau, tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của tội phạm thể hiện rõ mức độ cần thiết của vai trò bảo vệ của Nhà nước đối với các quan hệ xã hội bị xâm hại. Hành vi có tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội càng cao càng đòi hỏi ở mức độ lớn hơn sự can thiệp, bảo vệ của Nhà nước thông qua việc quy định TNHS. Khi sử dụng căn cứ này nhà làm luật cần lựa chọn những

trường hợp phạm tội có cùng tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội để xếp vào cùng một nhóm (ví dụ: Những hành vi xâm phạm an ninh quốc gia không thể được quy định chung nhóm với những hành vi phạm tội khác; những hành vi xâm phạm tính mạng không thể xếp vào cùng nhóm với những hành vi xâm phạm sức khoẻ của con người), tránh tình trạng xếp những hành vi khác nhau về tính chất, mức độ nguy hiểm vào cùng một nhóm. Việc phân nhóm đúng các hành vi có cùng tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội là yêu cầu quan trọng đầu tiên của nguyên tắc phân hoá TNHS, đây chính là cơ sở để quy định TNHS phù hợp đối với từng nhóm. Điều này cho thấy đối với những trường hợp tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của tội phạm tương đương nhau thì không nên chia tách thành nhiều nhóm, điều đó có thể dẫn đến tình trạng quy phạm pháp luật trở nên vụn vặt, ngược lại, cũng không nên nhập những trường hợp phạm tội có sự khác nhau rõ rệt về tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội vào cùng một nhóm và quy định cho chúng một khung chế tài có biên độ dao động lớn vì điều đó lại tạo ra những quy phạm pháp luật có tính phân hoá (TNHS) không cao, dễ dẫn đến sự vận dụng tuỳ tiện, không thống nhất trong thực tiễn xét xử. Đồng thời với việc phân nhóm hành vi, nhà làm luật cũng cần cân nhắc tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của từng nhóm trường hợp phạm tội để quy định cho chúng "liều lượng" TNHS phù hợp. TNHS phù hợp được quy định và áp dụng đối với người phạm tội là một trong những điều kiện giữ vai trò quyết định để thực hiện được mục tiêu bảo

vệ các quan hệ xã hội trước các hành vi phạm tội thông qua việc tác động giáo dục người phạm tội, ngăn ngừa họ phạm tội mới cũng như giáo dục, răn đe các thành viên khác trong xã hội. Với mỗi nhóm đã được phân hoá nói trên nhà làm luật cần cân nhắc để quy định một cách phù hợp nhất loại và có thể cả khoảng mức độ TNHS nên áp dụng đối với họ. Nhà làm luật phải xác định rõ nhóm được miễn hoặc có thể được miễn TNHS, nhóm không cần áp dụng hình phạt, nhóm cần phải áp dụng hình phạt (theo loại, khoảng mức hình phạt) v.v.. Tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của tội phạm tạo ra sự khác biệt cơ bản giữa các hành vi phạm tội được thực hiện trên thực tế và theo nguyên tắc về sự tương xứng giữa TNHS với tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của tội phạm được thực hiện, nhà làm luật cần phải quy định TNHS tỉ lệ thuận với tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của tội phạm.

Ngoài căn cứ trên, khi tiến hành phân hoá TNHS nhà làm luật cũng cần tính đến các đặc điểm về nhân thân người thực hiện tội phạm. Căn cứ này được tính đến trong trường hợp nhà làm luật thấy rằng các đặc điểm về nhân thân của người phạm tội nói chung hoặc của người thực hiện hành vi phạm tội nhất định có thể phản ánh tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của tội phạm (ví dụ: Tái phạm, tái phạm nguy hiểm), phản ánh khả năng giáo dục đối với người phạm tội (ví dụ: Người phạm tội thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải) hoặc thể hiện hoàn cảnh đặc biệt của họ (ví dụ: Người phạm tội là phụ nữ có thai). Trường hợp các đặc điểm về nhân thân người thực hiện tội phạm ảnh

hường đến tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của tội phạm thì đương nhiên những đặc điểm này phải được cân nhắc như căn cứ thứ nhất nói trên. Trường hợp các đặc điểm về nhân thân phản ánh khả năng giáo dục của người thực hiện tội phạm cũng đòi hỏi nhà làm luật cân nhắc khi xác định TNHS đối với họ tương ứng với mức độ khả năng giáo dục được phản ánh vì mục đích hàng đầu của việc áp dụng TNHS đối với người phạm tội là nhằm giáo dục họ. Điều đó thể hiện rằng nếu khả năng giáo dục đối với nhóm người phạm tội nào đó càng cao thì loại và mức TNHS áp dụng đối với họ càng nên hạn chế. Ngoài ra, TNHS còn cần được phân hoá dựa trên các đặc điểm nhân thân phản ánh hoàn cảnh đặc biệt của người phạm tội mà xuất phát từ nguyên tắc nhân đạo xã hội chủ nghĩa Nhà nước cần quy định đối với họ TNHS nhẹ hơn so với những trường hợp khác. Tương tự như khi phân hoá TNHS dựa vào các đặc điểm nhân thân thuộc các trường hợp nói trên, khi phân hoá TNHS dựa vào các đặc điểm về nhân thân phản ánh hoàn cảnh đặc biệt của người phạm tội nhà làm luật cũng cần cân nhắc mức độ đặc biệt của hoàn cảnh được phản ánh để phân hoá TNHS tối đa đối với họ.

3. Các giới hạn của việc phân hoá trách nhiệm hình sự

Phân hoá TNHS là hoạt động góp phần tạo ra đường lối xử lý có phân biệt đối với các loại trường hợp phạm tội khác nhau, đối với các nhóm chủ thể thực hiện tội phạm khác nhau và là cơ sở để tiến hành cá thể hoá TNHS trong áp dụng luật hình sự. Việc xác định đúng các giới hạn phân hoá TNHS là

yêu cầu quan trọng gắn liền với việc đạt được mục đích của nguyên tắc này. Để có thể tạo ra cơ sở pháp lý cần thiết phục vụ cho việc cá thể hoá TNHS trong thực tiễn, việc phân hoá TNHS phải đồng thời giải quyết được hai yêu cầu liên quan đến giới hạn của việc phân hoá TNHS sau đây: 1. Phải thể hiện được đường lối xử lý khác biệt ở mức tối đa đối với các loại trường hợp phạm tội khác nhau về tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội và các đặc điểm nhân thân người phạm tội; 2. Phải tránh hiện tượng quy định cụ thể hướng xử lý đối với từng nhóm trường hợp phạm tội quá nhỏ, làm cho quy phạm pháp luật trở thành vụn vặt. Một mặt, có thể khẳng định rằng việc phân hoá TNHS càng triệt để thì càng tạo thuận lợi cho việc cá thể hoá TNHS. Khi tiến hành cá thể hoá TNHS, người áp dụng pháp luật phải sử dụng các quy phạm pháp luật đã được xây dựng theo nguyên tắc phân hoá TNHS để giải quyết vấn đề TNHS cho từng trường hợp phạm tội cụ thể. Trong thực tiễn xét xử những trường hợp này lại rất phong phú, đa dạng, giữa chúng có thể tồn tại sự khác biệt rất lớn tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của tội phạm hoặc về các đặc điểm của nhân thân người thực hiện tội phạm. Trong khi đó, việc đánh giá các căn cứ này ở các chủ thể khác nhau lại có thể không giống nhau, thậm chí có thể khác nhau một cách rõ rệt. Điều đó có thể dẫn đến tình trạng TNHS được áp dụng đối với người phạm tội không phù hợp với yêu cầu giải quyết vụ việc đó (quá nặng hoặc quá nhẹ). Vì vậy, có thể khẳng định rằng sự phân hoá TNHS trong luật càng cao thì càng tạo cơ sở pháp lý để hạn chế tình trạng tùy

tiện trong áp dụng pháp luật hình sự và do đó nguyên tắc cá thể hoá TNHS càng được thực hiện một cách triệt để và thống nhất. Với những quy phạm pháp luật mà nguyên tắc phân hoá TNHS thể hiện một cách mờ nhạt, đường lối xử lý mang tính khái quát, chung chung thì việc vận dụng chúng để giải quyết vấn đề TNHS đối với từng trường hợp phạm tội riêng biệt gặp rất nhiều khó khăn và khó có thể đi đến thống nhất. Mặt khác, cũng cần khẳng định rằng gắn liền với tính khái quát của các quy phạm pháp luật hình sự nơi mà nguyên tắc phân hoá TNHS được thể hiện việc phân hoá TNHS cũng không thể được thực hiện một cách quá chi tiết, cụ thể. Phân hoá TNHS chỉ được dừng lại ở nấc cuối cùng ở việc tạo ra đường lối xử lý có phân hoá (khác biệt) tương xứng với từng nhóm trường hợp phạm tội tương đương nhau về tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội hay giống nhau về các đặc điểm của nhân thân người thực hiện hành vi. Nếu nhà làm luật vượt qua ranh giới này để quy định cụ thể phương án giải quyết vấn đề TNHS cho từng trường hợp phạm tội riêng biệt hoặc từng nhóm nhỏ các trường hợp phạm tội riêng biệt sẽ dẫn đến tình trạng họ làm thay công việc cá thể hoá TNHS của người áp dụng pháp luật. Điều đó cũng có nghĩa là quy phạm pháp luật bị tước mất tính khái quát cần thiết, khi đó những quy phạm này sẽ trở thành vụn vặt và hoàn toàn có thể trở thành nguyên nhân của hiện tượng người áp dụng pháp luật bị trói tay trước những tình huống đa dạng, phức tạp trong thực tiễn.

Xuất phát từ hai yêu cầu đó, việc phân hoá TNHS phải được tiến hành theo các giới

hạn sau đây:

3.1. Phân hoá giữa các trường hợp được miễn trách nhiệm hình sự với các trường hợp phải chịu trách nhiệm hình sự

Theo giới hạn này, nhà làm luật cần quy định rõ nhóm những trường hợp hành vi tuy cấu thành tội phạm nhưng có những dấu hiệu phản ánh mức độ gây nguy hại cho xã hội hoặc các đặc điểm của nhân thân người thực hiện hành vi cho thấy có thể đạt được mục đích giáo dục người phạm tội, bảo vệ các quan hệ xã hội tương ứng mà không cần buộc họ phải chịu TNHS và ngược lại là nhóm những trường hợp phạm tội nhất thiết phải áp dụng TNHS đối với người phạm tội. Khi quy định nhóm thứ nhất nói trên nhà làm luật không những phải chi rõ các điều kiện để được xếp vào nhóm đó mà còn cần phải phân hoá thành những trường hợp được miễn TNHS và những trường hợp chỉ có thể được miễn TNHS.

3.2. Phân hoá giữa các trường hợp không phải chịu biện pháp cưỡng chế về hình sự với các trường hợp phải chịu biện pháp cưỡng chế về hình sự và mang án tích

Nếu hiểu TNHS là một dạng trách nhiệm pháp lý, bao gồm: Nghĩa vụ phải chịu sự tác động của hoạt động truy cứu TNHS, chịu bị kết tội, chịu biện pháp cưỡng chế về hình sự (hình phạt, biện pháp tư pháp) và chịu mang án tích⁽⁵⁾ thì trong các quy phạm pháp luật hình sự nhà làm luật cần tiếp tục phân hoá đường lối xử lý đối với những hành vi cùng phải chịu TNHS thành những hành vi cần phải áp dụng hình phạt hay các biện pháp tư pháp và chịu mang án tích với những trường hợp không cần áp dụng biện pháp cưỡng chế này.

3.3. *Phân hoá giữa những trường hợp phải chịu hình phạt với những trường hợp áp dụng biện pháp tư pháp*

Với vai trò là biện pháp cưỡng chế nghiêm khắc nhất của Nhà nước có nội dung tước bỏ hoặc hạn chế quyền, lợi ích của người phạm tội (người bị kết án), hình phạt thể hiện tính cưỡng chế nghiêm khắc cao hơn rõ rệt so với các biện pháp tư pháp. Vì vậy, đối với những trường hợp cần phải áp dụng biện pháp cưỡng chế của TNHS cũng đòi hỏi phải được phân hoá ở mức độ cao hơn để cơ quan áp dụng có thể phân định được những trường hợp cần áp dụng hình phạt và những trường hợp chỉ cần áp dụng biện pháp tư pháp.

3.4. *Phân hoá giữa các trường hợp chịu các loại hình phạt hoặc các loại biện pháp tư pháp khác nhau*

Đây là giới hạn cuối cùng của việc phân hoá TNHS. Giới hạn này cũng xuất phát chính từ tính đa dạng, phong phú của các hành vi phạm tội được thực hiện. Giới hạn này thể hiện qua việc nhà làm luật tiếp tục phân thành nhóm nhỏ hơn những hành vi đã được lựa chọn và xếp vào nhóm áp dụng hình phạt hay nhóm áp dụng biện pháp tư pháp. Theo quy định của pháp luật hình sự, cả hình phạt và biện pháp tư pháp đều có thể bao gồm nhiều loại khác nhau, chúng thể hiện những mức độ cưỡng chế nghiêm khắc khác nhau và vì vậy nhà làm luật cần quy định rõ từng loại hình phạt hay loại biện pháp tư pháp cụ thể được áp dụng gắn với từng nhóm hành vi phạm tội nhất định.

4. Các mức độ phân hoá trách nhiệm hình sự

Trong luật hình sự việc phân hoá TNHS

được tiến hành theo nhiều mức độ khác nhau. Tính theo sự thu hẹp dần về phạm vi phân hoá TNHS, có thể xác định các mức độ phân hoá sau đây: Phân hoá TNHS theo chế định, phân hoá TNHS theo quy phạm pháp luật và phân hoá TNHS trong phạm vi từng quy phạm.

4.1. *Phân hoá trách nhiệm hình sự theo chế định*

Việc phân hoá TNHS theo chế định được hiểu là việc nhà làm luật tạo ra đường lối xử lý khác biệt đối với một loại trường hợp phạm tội bằng cách xây dựng chế định riêng liên quan đến vấn đề TNHS của những người thực hiện những hành vi phạm tội dựa trên những đặc điểm nhân thân của người phạm tội, cách thức thực hiện hành vi phạm tội của họ hoặc dựa trên tính chất của nhóm quan hệ xã hội mà hành vi phạm tội xâm hại. Ở mức độ phân hoá này, tất cả những trường hợp phạm tội cần được xử lý bằng đường lối riêng, được xếp vào cùng một chế định với những quy định rõ ràng về điều kiện áp dụng, loại và mức TNHS được áp dụng đối với người phạm tội. Biểu hiện rõ rệt của việc phân hoá TNHS ở mức độ này là việc xây dựng các chế định TNHS đối với người chưa thành niên phạm tội, đồng phạm hay việc tách riêng các nhóm tội thuộc phần các tội phạm.

4.2. *Phân hoá trách nhiệm hình sự theo quy phạm*

Trên cơ sở phân hoá TNHS theo chế định, TNHS đối với người phạm tội tiếp tục được phân hoá ở mức độ thứ hai: Phân hoá trong phạm vi chế định hay phân hoá theo các quy phạm pháp luật cụ thể. Ở mức độ này, những loại trường hợp phạm tội đã được xếp theo chế định nói trên lại tiếp tục được chia tách thành các lớp khác nhau với

“liều lượng” TNHS khác nhau dựa trên mức độ đặc biệt của các đặc điểm nhân thân người phạm tội hay sự khác biệt về tính chất nguy hiểm cho xã hội của tội phạm được thực hiện. Ví dụ: Những hành vi xâm hại quan hệ sở hữu sau khi được xếp vào cùng một nhóm (theo mức độ phân hoá nói trên) lại tiếp tục được tách ra và quy định thành các tội danh riêng như tội cướp tài sản, tội trộm cắp tài sản v.v..

4.3. Phân hoá trách nhiệm hình sự trong phạm vi quy phạm

Ở mức độ thứ ba, nhà làm luật tiến hành phân hoá TNHS trong phạm vi từng quy phạm. Đây là sự phân hoá thể hiện mức độ chi tiết cao nhất, nó đòi hỏi nhà làm luật trên cơ sở dự liệu và chi tiết hoá các tình huống phạm tội đối với một loại tội cụ thể, từ đó xác định những trường hợp phạm tội có cùng tính chất nguy hiểm cho xã hội để tách thành những nhóm nhỏ với mức TNHS phù hợp. Mức độ phân hoá này được thể hiện thông qua việc nhà làm luật xây dựng các cấu thành tội phạm khác nhau cho các điều luật ở phần các tội phạm. Đối với những tội có thể có những trường hợp phạm tội có tính nguy hiểm cao hơn hoặc thấp hơn so với những trường hợp thông thường khác thì cần phải xây dựng cho chúng các cấu thành tội phạm tăng nặng hoặc cấu thành tội phạm giảm nhẹ tương ứng bên cạnh cấu thành tội phạm cơ bản. Trong trường hợp nếu chỉ xây dựng một cấu thành tội phạm tăng nặng mà chưa phân hoá triệt để được TNHS của những người thực hiện nhóm hành vi (thuộc loại tăng nặng) đó vì trong nhóm hành vi này vẫn có những hành vi có tính chất nguy hiểm cho xã hội cao hơn các hành vi khác thì nhà làm luật cần tách chúng

thành nhiều khung tăng nặng khác nhau với chế tài tương xứng. Ngoài ra, mức độ phân hoá này còn đòi hỏi nhà làm luật quy định TNHS khác biệt đối với những trường hợp phạm tội có cùng tính chất nguy hiểm cho xã hội nhưng khác nhau về mức độ nguy hiểm cho xã hội bằng cách quy định các tình tiết (dấu hiệu) giảm nhẹ TNHS hoặc tăng nặng TNHS để tạo cơ sở pháp lí cho việc cá thể hoá TNHS đối với những trường hợp phạm tội cụ thể khác nhau ở việc có hay không có hoặc giữa có ít hay có nhiều các tình tiết phản ánh sự khác biệt về mức độ nguy hiểm cho xã hội theo các hướng khác nhau.

Như vậy, có thể khẳng định rằng phân hoá TNHS là một nguyên tắc cơ bản của luật hình sự Việt Nam, tồn tại trong hoạt động xây dựng pháp luật nhằm tạo ra đường lối xử lí người phạm tội dựa trên tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của tội phạm được thực hiện và những đặc điểm nhân thân người phạm tội. Với vai trò quan trọng này, nguyên tắc phân hoá TNHS đòi hỏi phải được tiếp tục nghiên cứu một cách toàn diện, sâu sắc, từ đó vận dụng những hiểu biết tương ứng vào việc hoàn thiện luật hình sự để tạo ra cơ sở pháp lí tốt nhất cho hoạt động cá thể hoá TNHS trong thực tiễn xét xử./.

(1). Xem: Phạm Hùng Việt, “Nguyên tắc phân hoá và cá thể hoá TNHS trong luật hình sự Việt Nam”, Luận văn thạc sĩ luật học, Hà Nội, 1998, tr. 9-24.

(2). Xem: Nguyễn Ngọc Hoà, “Tội phạm và cấu thành tội phạm”, Nxb. Công an nhân dân, Hà Nội, 2005, tr. 24.

(3). Xem: “Từ điển giải thích thuật ngữ luật học”, Nxb. Công an nhân dân, Hà Nội, 1999, tr. 22.

(4). Xem: “Từ điển giải thích thuật ngữ luật học”, Sđd, tr. 22.

(5). Xem: Sđd, tr. 126.